



- 1. 疑問詞~か~、
- 2. ~かどうか、~
- 3. Vてみます。

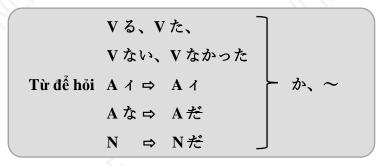


1. 疑問詞~か~、



Kiến thức

接続:



ポイント:

Mẫu câu dùng để lồng câu hỏi có từ để hỏi vào trong 1 câu văn. Khi có từ để hỏi sẽ đi với \rlap/∂_{\circ}

例文:

Tôi tra Google Map xem từ sân bay đến khách sạn mất khoảng bao lâu.

\Rightarrow	 0///



Luyện tập

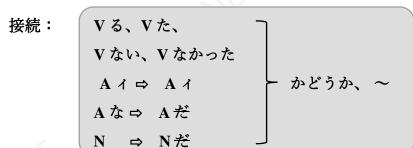
- 1 A: でも、_____りんごがいい___、分かりません。東京?青森?アメリカ? B: 日本人はみんな、あおもりのりんごが1番だと思いますよ!
- 2 A: Tuyen です。今 電車が止まって、会社に遅れるかもしれません。

B: これからバスに乗ります。_____に着く___調べます。

2. ~かどうか、~



Kiến thức





ポイント:

- Không có từ để hỏi.
- Lồng 1 câu nghi vấn vào trong 1 câu văn.

例文:

			(
	BILL		BIKI

•		
(>)

Luyện tập

B: 食べたことがありません。_____、わかりません。

- 2 飲み会へ行ける_____、まだわからないですね。
- 3 A: そろそろ電車を降ります。忘れ物が______ 確かめてくださいね。

B: はい、分かりました。

4 A:彼女、かわいいですね。

B: 自分で彼氏が_____、確かめてください。男でしょ!

3. V てみます。



Kiến thức

接続:

V て みます。~

意味:

 \sim thử.



ら?

#